



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2516.1843>

SỰ TIẾP BIẾN VĂN MINH ẤN ĐỘ Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Lê Tuấn Hưng^{1*}, Phan Trung Hiếu¹ và Đinh Hồng Khoa²

¹*Sinh viên, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

³*Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: 0022411999@student.dthu.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 16/7/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/9/2025; Ngày duyệt đăng: 20/11/2025

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu quá trình tiếp biến của văn minh Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á, đặc biệt trên các lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, chính trị, nghệ thuật và chữ viết. Trên cơ sở phân tích - tổng hợp tài liệu thứ cấp, kết hợp so sánh liên vùng - liên quốc gia giữa các vương quốc cổ, nghiên cứu làm rõ các cơ chế và biểu hiện tiếp biến văn hóa Ấn Độ. Với cách tiếp cận liên ngành giữa sử học, khảo cổ học và dân tộc học, bài viết không chỉ nhận diện các kênh truyền bá và biểu hiện bản địa hóa mà còn đặt lại vấn đề “Ấn Độ hóa” như một quá trình tương tác văn hóa hai chiều, trong đó cư dân bản địa đóng vai trò chủ động và sáng tạo trong việc bản địa hóa và làm giàu các giá trị du nhập. Kết quả nghiên cứu góp phần nhận diện rõ nét hơn về sự hình thành bản sắc văn hóa Đông Nam Á cổ đại như một kết quả sáng tạo của sự tương tác văn hóa xuyên khu vực.

Từ khóa: *Bản địa hóa, Đông Nam Á, tiếp biến văn hóa, văn minh Ấn Độ.*

Trích dẫn: Lê, T. H., Phan, T. H., & Đinh, H. K. (2026). Sự tiếp biến văn minh Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-13. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2516.1843>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE ADAPTISM OF INDIAN CIVILIZATION IN SOUTHEAST ASIA

Le Tuan Hung^{1*}, Phan Trung Hieu¹, and Dinh Hong Khoa²

¹*Student, Faculty of Social Science Teacher Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

³*Faculty of Social Science Teacher Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: 0022411999@student.dthu.edu.vn*

Article history

Received: 16/7/2025; Received in revised form: 28/9/2025; Accepted: 20/11/2025

Abstract

This study investigates the process of Indian civilization's acculturation in Southeast Asia, especially in the fields of beliefs, religions, politics, arts and writing. Reviewing secondary documents, combined with inter-regional and inter-national comparisons between ancient kingdoms, the study clarifies the mechanisms and manifestations of Indian cultural acculturation. With an interdisciplinary approach between history, archaeology and ethnology, the study not only identifies the channels of dissemination and localization manifestations but also raises the issue of “Indianization” as a two-way cultural interaction process, in which indigenous people play an active and creative role in localizing and enriching imported values. The research results contribute to specifying the formation of ancient Southeast Asian cultural identity as a creative result of cross-regional cultural interaction.

Keywords: *Cultural adaptation, Indian civilization, localization, Southeast Asia.*

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử văn minh nhân loại, Đông Nam Á được xem là khu vực trung gian giữa hai trung tâm văn minh lớn của châu Á: Trung Hoa ở phía Bắc và Ấn Độ ở phía Tây Nam. Từ khoảng thiên niên kỷ I trước Công nguyên đến đầu Công nguyên, khu vực này đã trở thành không gian giao lưu và lan tỏa mạnh mẽ của các yếu tố văn hóa ngoại lai, đặc biệt là từ Ấn Độ. Quá trình đó không chỉ định hình nên bản sắc văn hóa của nhiều vương quốc cổ đại như Phù Nam, Champa, Chân Lạp, Srivijaya, mà còn góp phần hình thành các hệ giá trị văn hóa – xã hội đặc thù của khu vực.

Khái niệm “văn hóa” và “văn minh” vốn đa nghĩa và chưa đạt đến sự thống nhất tuyệt đối trong giới nghiên cứu. Taylor (1871) định nghĩa văn hóa là “một tổng thể phức hợp gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, luật pháp, đạo đức, tập quán,...”, thường được xem như điểm khởi đầu cho các nghiên cứu lịch sử – văn hóa so sánh. Kroeber và Kluckhohn (1952) tổng hợp hơn 150 định nghĩa và cho thấy có khuynh hướng phân biệt: “culture” thiên về giá trị - ý nghĩa tinh thần, trong khi “civilization” nhấn mạnh thành tựu vật chất, kỹ thuật và định chế. Coedès (1968) quan niệm văn minh là tập hợp những thành tựu tinh hoa của một dân tộc, có khả năng lan tỏa và ảnh hưởng, trong khi văn hóa gắn với đời sống bản địa - nơi tiếp nhận và biến đổi các yếu tố ngoại nhập. Wheatley (1971) lại nhấn mạnh văn hóa là hệ thống giá trị tinh thần và biểu tượng, còn văn minh là trình độ tổ chức xã hội cao, biểu hiện qua đô thị và nhà nước - nơi các giá trị văn hóa được thể chế hóa. Wolters (1982) vận dụng khái niệm “localization”, theo đó yếu tố ngoại lai được bản địa hóa thành “tuyên ngôn địa phương”, nhấn mạnh tính chủ động, sáng tạo của cư dân bản địa trong tiến trình tiếp biến. Trong khuôn khổ bài viết này, để tiếp cận vấn đề trong bối cảnh Đông Nam Á, chúng tôi vận dụng khái niệm “localization” của Wolters (1982) và sử dụng thuật ngữ “văn minh Ấn Độ” theo nghĩa rộng, bao gồm cả những giá trị vật chất (chữ viết, nghệ thuật, kiến trúc, tổ chức chính trị) và tinh thần (tôn giáo, tín ngưỡng, triết học). Cách tiếp cận này giúp phân tích rõ quá trình giao lưu và tiếp biến của các yếu tố văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á, đồng thời nhấn mạnh vai trò chủ thể bản địa trong việc chọn lọc, bản địa hóa và sáng tạo lại các giá trị ngoại sinh.

Trong số các ảnh hưởng ngoại sinh, văn minh Ấn Độ có tác động sâu sắc và lâu dài đến nhiều khía cạnh của đời sống cư dân Đông Nam Á cổ đại, từ tín ngưỡng, tôn giáo, chính trị, nghệ thuật đến chữ viết và tổ chức xã hội. Tuy nhiên, sự lan tỏa văn hóa này không diễn ra theo chiều hướng “Ấn Độ hóa” đơn tuyến hay áp đặt, mà là kết quả của một tiến trình tiếp biến văn hóa có chọn lọc, trong đó cư dân bản địa đóng vai trò chủ thể, vừa tiếp thu, vừa cải biến để phù hợp với nền tảng xã hội, tín ngưỡng và cấu trúc quyền lực của mình. Chính vì vậy, Đông Nam Á không đơn thuần là nơi tiếp nhận ảnh hưởng, mà là không gian sáng tạo, bản địa hóa và phát triển các yếu tố văn hóa Ấn Độ theo hướng riêng biệt.

Nghiên cứu này hướng đến việc phân tích sâu cơ chế lan truyền và tiếp biến các yếu tố văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á thông qua việc khảo sát các biểu hiện cụ thể như tôn giáo – chính trị, chữ viết, nghệ thuật - kiến trúc, tín ngưỡng và cấu trúc xã hội. Đặc biệt, bài viết nhấn mạnh vai trò chủ động của cư dân bản địa trong quá trình bản địa hóa, nhằm làm sáng tỏ mối quan hệ tương tác hai chiều giữa văn hóa du nhập và văn hóa bản địa.

2. Lược sử nghiên cứu

Vấn đề ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á đã nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu trong nước và quốc tế từ nhiều thập niên qua. Các công trình này thường tập trung vào việc khảo sát mức độ, hình thức và biểu hiện của sự lan tỏa văn hóa Ấn Độ, trong đó có những khác biệt về cách tiếp cận, phạm vi phân tích và lập luận học thuật.

Tại Việt Nam, đã có nhiều học giả đề cập đến sự lan truyền của văn minh Ấn Độ trong

các lĩnh vực tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc và chữ viết. Công trình nghiên cứu của Nguyễn (2005) khảo sát yếu tố tôn giáo trong nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á, nhấn mạnh vai trò của Ấn Độ giáo và Phật giáo trong việc định hình mỹ thuật và biểu tượng tín ngưỡng trong khu vực. Tuy nhiên, công trình này chưa làm rõ một cách toàn diện sự hòa quyện giữa yếu tố bản địa và ngoại sinh trong tín ngưỡng dân gian.

Nghiên cứu của học giả Trương (2016) tiếp cận theo hướng văn hóa dân tộc học, thông qua việc đối chiếu lễ hội Ok Om Bok của người Khmer với các lễ hội tôn giáo Ấn Độ như Diwali và Chhat Puja, nhằm tìm ra nguồn gốc và ảnh hưởng văn hóa. Tuy vậy, phạm vi nghiên cứu còn thu hẹp trong cộng đồng Khmer Nam Bộ và chưa mở rộng phạm vi sang các dân tộc hoặc quốc gia khác trong khu vực.

Một số công trình như của Lê và Nguyễn (2021) tập trung vào điều kiện tiền đề cho quá trình tiếp biến văn hóa Ấn Độ, nhưng chưa làm rõ các yếu tố bản địa về xã hội, tín ngưỡng và cấu trúc cộng đồng. Trong khi đó, nghiên cứu của Lê (2008) có đóng góp đáng kể khi phân tích ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với nghệ thuật Chăm-pa, cho thấy sự tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo của người Chăm, đặc biệt trong lĩnh vực điêu khắc và kiến trúc thánh địa Mỹ Sơn.

Một điểm cần nhấn mạnh là các công trình của Nguyễn (2011) hay của Trương (2003) đã góp phần làm sáng tỏ quá trình giao lưu văn hóa – tôn giáo giữa Ấn Độ và Đông Nam Á trong thiên niên kỷ đầu sau Công nguyên, nhưng phần lớn vẫn nghiêng về mô tả hiện tượng mà chưa làm rõ vai trò chủ động của cư dân bản địa trong tiến trình bản địa hóa.

Trên bình diện quốc tế, nhiều công trình đã định hình cách tiếp cận khái niệm Indianization - “Ấn Độ hóa” - để mô tả sự lan tỏa các yếu tố văn hóa Ấn Độ vào Đông Nam Á. Coedès (1968) trong tác phẩm kinh điển *The Indianized States of Southeast Asia* đã đề xuất mô hình tiếp nhận văn hóa Ấn Độ thông qua thương mại, hôn nhân và tôn giáo, hình thành nên các nhà nước kiểu Ấn. Tuy nhiên, mô hình này sau đó đã bị đặt lại dưới góc nhìn phê bình vì xem nhẹ yếu tố bản địa.

Các học giả như Andaya và Andaya (2015) trong *A History of Early Modern Southeast Asia* đã khẳng định lại tầm quan trọng của bối cảnh nội sinh và vai trò sáng tạo của các xã hội bản địa trong việc điều chỉnh và thích ứng văn hóa du nhập.

Hai học giả Mithra (2022) và Mishra (2021) tiếp cận lại ảnh hưởng văn minh Ấn Độ với góc nhìn mới mẻ, nhấn mạnh quá trình lan tỏa văn hóa diễn ra trong mạng lưới thương mại hàng hải, đồng thời đề cao tính linh hoạt và sáng tạo của cư dân địa phương. Mishra đặc biệt lưu ý rằng quá trình truyền bá Phật giáo ở Đông Nam Á không chỉ dựa vào các nhà truyền giáo mà còn phụ thuộc vào khả năng bản địa hóa giáo lý trong bối cảnh tín ngưỡng nông nghiệp địa phương.

Ngoài ra, công trình của Miksic và Goh (2016) trong *Ancient Southeast Asia* sử dụng bằng chứng khảo cổ học để đưa ra lập luận phản biện mô hình “Ấn Độ hóa thụ động” và chứng minh rằng các vương quốc như Srivijaya hay Champa có thể là trung tâm sáng tạo văn hóa hơn là nơi sao chép yếu tố ngoại lai.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được đặt trên nền tảng của các lý thuyết về tiếp biến văn hóa (acculturation) và bản địa hóa văn hóa (localization), kết hợp với cách tiếp cận hậu thuộc địa (postcolonial approach) nhằm lý giải quá trình ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến Đông Nam Á không phải là sự áp đặt một chiều, mà là sự tương tác văn hóa hai chiều, với vai trò chủ thể tích cực của cư dân bản địa. Trong trường hợp Đông Nam Á, quá trình ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ không thể được hiểu là sự “Ấn Độ hóa” tuyệt đối. Thay vào đó, các cộng đồng

cư dân bản địa đã chủ động lựa chọn, thích ứng, cải biến và sáng tạo ra những thực hành văn hóa mới trên cơ sở đối thoại giữa yếu tố ngoại sinh và nội sinh. Chính điều này giải thích vì sao cùng một ảnh hưởng từ Ấn Độ nhưng lại có những biểu hiện rất khác nhau tại các vương quốc như Champa, Srivijaya, hay Angkor.

Ngoài nguồn tư liệu thứ cấp về sự du nhập văn minh Ấn Độ, nghiên cứu còn tham chiếu đến các bằng chứng khảo cổ – dân tộc học liên quan đến văn hóa bản địa Đông Nam Á trước khi giao lưu và tiếp xúc với văn minh Ấn Độ, đặc biệt là nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Các di chỉ Hòa Bình, Bắc Sơn (Việt Nam), Ban Chiang (Thái Lan) cho thấy cư dân khu vực đã hình thành từ rất sớm lối sống định cư, trồng lúa nước gắn với hệ thống thủy lợi, tín ngưỡng phồn thực, sùng bái các hiện tượng tự nhiên và thờ cúng tổ tiên. Nền tảng này vừa tạo tiền đề xã hội - kinh tế (cộng đồng làng xã, tính hợp tác cao, kỹ thuật kim khí) vừa tạo tiền đề tín ngưỡng - tinh thần (thờ Mẹ Xứ sở, phồn thực, thần Nước, thần Núi) cho sự tương thích và bản địa hóa các yếu tố từ Ấn Độ giáo và Phật giáo sau này. Bên cạnh đó, những yếu tố nội sinh này không chỉ tạo nên bản sắc văn hóa riêng biệt mà còn đóng vai trò là tiền đề tiếp nhận và bản địa hóa các yếu tố du nhập từ Ấn Độ, như biểu tượng Linga - Yoni, tư tưởng luân hồi - nghiệp báo hay mô hình vương quyền thần thánh. Nhờ đó, việc tiếp biến văn hóa không diễn ra trên “vùng đất trống”, mà dựa trên nền bản địa phong phú, giúp quá trình Ấn Độ hóa trở thành một sự tương tác hai chiều thay vì áp đặt một chiều.

Để làm rõ mối quan hệ giữa văn minh Ấn Độ và văn hóa bản địa Đông Nam Á, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ đạo sau:

- Phân tích - tổng hợp tài liệu thứ cấp: Các công trình nghiên cứu của học giả trong và ngoài nước được sử dụng như nền tảng lý thuyết và dữ liệu lịch sử để hệ thống hóa các biểu hiện ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á.

- Phân tích so sánh liên vùng - liên quốc gia: So sánh biểu hiện tiếp nhận văn hóa Ấn Độ giữa các vương quốc cổ như Phù Nam, Champa, Chân Lạp, Srivijaya, Dvaravati,... từ đó nhận diện điểm tương đồng và dị biệt, đồng thời làm rõ vai trò của bối cảnh địa phương trong tiếp biến văn hóa.

- Tiếp cận lịch sử - văn hóa liên ngành: Kết hợp giữa khảo cứu sử liệu (bia ký, thư tịch cổ), khảo cổ học (di vật, kiến trúc) và dân tộc học (tín ngưỡng, nghi lễ) để nhận diện cơ chế truyền bá, biểu hiện tiếp biến, cũng như sự bản địa hóa các yếu tố văn minh Ấn Độ.

- Tư duy phản biện hậu thuộc địa: Đặt lại vấn đề “Ấn Độ hóa” như một quá trình tương tác văn hóa hai chiều, nhằm nhấn mạnh vai trò chủ động của cư dân bản địa thay vì nhìn nhận theo chiều hướng áp đặt từ bên ngoài.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Tiền đề nội sinh và điều kiện tiếp biến văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á

Trước khi tiếp xúc với các nền văn minh lớn như Ấn Độ và Trung Hoa, Đông Nam Á đã hình thành một nền văn hóa bản địa đặc sắc, mang đậm dấu ấn của điều kiện địa lý - sinh thái nhiệt đới gió mùa và cấu trúc cộng đồng nông nghiệp làng xã. Chính các yếu tố nội sinh này đã tạo nên một nền tảng vững chắc cho quá trình tiếp biến văn hóa, trong đó cư dân địa phương không tiếp thu một cách thụ động, mà chủ động lựa chọn, cải biến để làm giàu cho văn hóa của chính mình.

4.1.1. Nền văn hóa bản địa đa dạng và phát triển sớm

Cư dân Đông Nam Á cổ đại đã phát triển nền kinh tế nông nghiệp lúa nước từ rất sớm, thể hiện qua các di chỉ khảo cổ như Văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn (Việt Nam) hoặc Ban Chiang (Thái Lan), với niên đại từ 5000 đến 3000 năm TCN. Nền nông nghiệp này đòi hỏi tính cộng

đồng cao, sự hợp tác trong thủy lợi và tổ chức sản xuất, từ đó hình thành cơ sở xã hội có khả năng tiếp thu và điều chỉnh các mô hình tổ chức xã hội từ bên ngoài.

Đặc biệt, cư dân bản địa còn sử dụng kim khí sớm, tiêu biểu là nền văn hóa Đông Sơn với trình độ chế tác trống đồng, vũ khí, nhạc cụ phát triển. Khả năng làm chủ công nghệ kim loại giúp họ không bị lệ thuộc hoàn toàn vào các sản phẩm du nhập, mà có thể kết hợp để sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa mang bản sắc riêng.

Về tín ngưỡng, Đông Nam Á sở hữu một hệ thống tín ngưỡng phong phú, trong đó nổi bật là tín ngưỡng phồn thực, sùng bái tự nhiên và thờ cúng tổ tiên. Các hình tượng như Linga – Yoni vốn có nguồn gốc từ Ấn Độ giáo, khi du nhập vào Đông Nam Á đã dễ dàng hội nhập vào môi trường tín ngưỡng bản địa vốn đã quen thuộc với biểu tượng sinh thực khí. Điều này cho thấy sự tương thích văn hóa là điều kiện quan trọng thúc đẩy quá trình bản địa hóa.

4.1.2. Vị trí địa lý - trung chuyển và giao lưu

Đông Nam Á nằm giữa hai đại dương lớn - Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương - và giữa hai nền văn minh lớn - Ấn Độ và Trung Hoa. Với đặc điểm địa hình ven biển dài, nhiều cửa sông và cảng tự nhiên, khu vực này sớm trở thành nút giao thương quan trọng trong mạng lưới hải thương cổ đại, đặc biệt là “Con đường Tơ lụa trên biển” kết nối Ấn Độ, Trung Hoa và Trung Đông.

Theo Andaya và Andaya (2015), chính tính mở về mặt địa lý của Đông Nam Á đã tạo ra không gian thuận lợi cho sự du nhập không chỉ hàng hóa mà cả các yếu tố tôn giáo, nghệ thuật và chính trị từ các nền văn hóa bên ngoài. Tuy nhiên, thay vì bị đồng hóa, các cộng đồng cư dân địa phương đã tiếp thu các yếu tố này trên cơ sở của nhu cầu thực tiễn và khả năng tích hợp vào hệ thống xã hội - văn hóa sẵn có.

4.1.3. Thương nhân, tu sĩ và hôn nhân chính trị - các tác nhân truyền bá văn minh

Trái với hình dung phổ biến rằng ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ vào khu vực Đông Nam Á là kết quả của các chiến dịch nhà nước có tổ chức, thực tế lịch sử cho thấy quá trình này diễn ra không có sự can thiệp trực tiếp từ chính quyền trung ương Ấn Độ, mà chủ yếu được thúc đẩy bởi các tác nhân xã hội phi nhà nước như thương nhân, tu sĩ tôn giáo và liên minh hôn nhân giữa người Ấn và các dòng tộc bản địa quyền lực.

a. Thương nhân - tác nhân văn hóa lưu động

Các thương nhân Ấn Độ cổ đại, trong khi hoạt động trên các tuyến thương mại hàng hải dọc Ấn Độ Dương, đã không chỉ mang theo hàng hóa như hương liệu, ngà voi, vải vóc hay đá quý mà còn mang theo cả chữ viết, tín ngưỡng, luật pháp, nghi lễ và mô hình tổ chức xã hội. Trên hành trình định kỳ của mình, họ thiết lập các trạm trung chuyển, nhà nghỉ, đền thờ và khu định cư nhỏ ven biển - những hạt nhân văn hóa ngoại sinh đầu tiên tại các cảng thương mại như Óc Eo (Việt Nam), Palembang (Indonesia), hoặc Kedah (Malaysia).

Không gian thương mại, trong trường hợp này, đóng vai trò như chất xúc tác văn hóa – nơi mà các biểu tượng của văn minh Ấn Độ được thể chế hóa qua các hoạt động tôn giáo và nghi lễ, đồng thời tương tác và hòa quyện với tín ngưỡng bản địa. Đây là minh chứng sống động cho mô hình “giao lưu văn hóa trong không gian phi chính thống” (informal cultural transmission), khác biệt với mô hình lan tỏa văn hóa kiểu đế chế.

Cư dân Đông Nam Á cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động thương mại với bên ngoài. Theo nghiên cứu của Andaya (2023), mặc dù có nền tảng nông nghiệp vững chắc, các cộng đồng phát triển ở những khu vực này cũng là một phần của mạng lưới thương mại hàng hải nối liền Đông Nam Á với Ấn Độ và Trung Quốc.

b. Tu sĩ Bà-la-môn và Phật giáo - người mang theo mô hình biểu tượng và tri thức

Cùng với thương nhân, các tu sĩ Bà-la-môn và tu sĩ Phật giáo là lực lượng quan trọng trong việc truyền bá văn hóa Ấn Độ. Họ không chỉ đem theo các bản kinh như Veda, Ramayana, Mahabharata hay Tripitaka, mà còn đảm nhiệm vai trò là cố vấn tôn giáo - chính trị trong các triều đình bản địa.

Viện nghiên cứu Đông Nam Á (1997) nhận định rằng, nhiều đạo sĩ Bà-la-môn đã đến khu vực Đông Nam Á và đảm nhận những vị trí quan trọng trong các vương quốc cổ. Đồng thời, hình ảnh nhà vua được thần thánh hóa - một yếu tố bắt nguồn từ Ấn Độ giáo thời Gupta (thế kỷ IV - VI) cũng xuất hiện khá phổ biến ở các nhà nước Đông Nam Á vào thiên niên kỷ thứ nhất sau Công nguyên.

Theo nghiên cứu của tác giả Trương (2003) thì cư dân bản địa cũng dễ dàng chấp nhận những triết lý, các vị thần Ấn Độ giáo do có nhiều nét tương đồng về văn hóa, tín ngưỡng, và ở một số dân tộc bản địa họ tự nhận mình là con cháu của những vị tu sĩ Bà-la-môn và điều đó được ghi chép trên tấm bia Mỹ Sơn: “Kundina, vị Bà-la-môn vĩ đại nhất, đã cầm xuồng đây ngọn lao mà thầy đã nhận từ Asvathaman, con của Drona”.

Từ thế kỷ I-VII, nhiều vương quốc sơ kỳ Đông Nam Á đã mời tu sĩ Ấn Độ vào cung đình để thực hiện nghi lễ phong vương, xây dựng đền thờ, biên soạn văn bản, luật lệ theo mô hình Ấn Độ, từ đó tạo nên một lớp biểu tượng quyền lực mang đậm chất “Ấn Độ hóa”. Theo các tài liệu khảo cổ, bia ký tìm thấy ở Mỹ Sơn (Champa), Angkor Borei (Chân Lạp), hay Srivijaya đều đề cập đến sự hiện diện của các tu sĩ Bà-la-môn trong đời sống chính trị địa phương.

c. Hôn nhân chính trị - cơ chế thâm nhập văn hóa qua dòng tộc

Một trong những kênh truyền bá văn minh Ấn Độ có sức ảnh hưởng sâu rộng nhưng ít được nhấn mạnh là liên minh hôn nhân chính trị. Theo nghiên cứu của Miksic và Goh (2016), nhiều thương nhân hoặc tu sĩ Ấn Độ đã kết hôn với phụ nữ quý tộc bản địa, đặc biệt là con gái các tù trưởng hoặc thủ lĩnh địa phương. Những cuộc hôn phối này không chỉ mang ý nghĩa ngoại giao - thương mại mà còn tạo nên các liên minh văn hóa - huyết thống, nơi mà yếu tố Ấn Độ được truyền qua đời sống gia đình, nghi thức, giáo dục và lễ hội.

Đáng chú ý là vai trò trung gian văn hóa của phụ nữ quý tộc bản địa. Với vị trí xã hội đặc biệt và ảnh hưởng trong cộng đồng, họ trở thành người bảo trợ các hoạt động tôn giáo, thờ phụng, học hành, đồng thời gìn giữ các biểu tượng văn hóa mới trong đời sống hàng ngày. Qua đó, văn hóa Ấn Độ không chỉ thâm nhập vào tầng lớp thượng lưu mà còn lan xuống tầng lớp dân chúng qua nghi lễ, truyền thống và tập quán sinh hoạt.

4.1.4. Tính linh hoạt và cởi mở của cấu trúc xã hội bản địa

Một trong những điều kiện nội sinh đặc trưng giúp văn minh Ấn Độ có thể thâm nhập sâu rộng và tương thích với các xã hội Đông Nam Á là cấu trúc xã hội linh hoạt, không bị cố định bởi các đẳng cấp cứng nhắc như mô hình Varna và Jati của Ấn Độ cổ đại. Trong khi xã hội Ấn Độ vận hành theo các nguyên tắc phân tầng xã hội chặt chẽ dựa trên tôn giáo - huyết thống, thì ở Đông Nam Á, cơ cấu xã hội có tính mềm dẻo và năng động hơn, nơi quyền lực được xác lập qua uy tín cá nhân, sở hữu tài nguyên và quan hệ huyết thống - tôn giáo, chứ không hoàn toàn qua đẳng cấp thân quyền.

Chính tính chất đó đã tạo một không gian dung nạp rộng rãi cho các yếu tố tôn giáo - văn hóa từ Ấn Độ, đặc biệt là Ấn Độ giáo và Phật giáo. Những mô hình như “vương quyền thần thánh” (devaraja) - trong đó nhà vua được thần thánh hóa và đồng nhất với thần linh như Shiva hoặc Vishnu - được các vương quốc như Phù Nam, Srivijaya, Chân Lạp, Champa tích

hợp một cách có chọn lọc vào thiết chế quyền lực bản địa. Tuy nhiên, những mô hình này không thay thế hoàn toàn tín ngưỡng bản địa mà thường đồng tồn tại, cộng sinh và tương tác với các hình thức thờ Mẹ Xứ sở, tổ tiên, sông núi và các thực hành phồn thực cổ truyền.

Ở cấp độ văn hóa - xã hội sâu hơn, một loạt tiền đề nội sinh đã tạo nên “nền đất màu mỡ” cho việc tiếp nhận có chọn lọc và tái cấu trúc các yếu tố văn minh Ấn Độ:

- Nền văn hóa nông nghiệp lúa nước: đặc trưng bởi tính tổ chức cộng đồng cao, tư duy hợp tác và gắn bó với tự nhiên - tạo điều kiện cho sự tương thích với các tư tưởng luân hồi, nghiệp báo và tổ chức xã hội theo mô hình thần quyền.

- Tín ngưỡng phồn thực: vốn phổ biến ở nhiều vùng thuộc khu vực Đông Nam Á (Champa, Chân Lạp, Java,...) - là cầu nối tự nhiên để tiếp nhận các biểu tượng Linga - Yoni, thần Shiva, nữ thần Durga hay Lakshmi trong Ấn Độ giáo.

- Trình độ kim khí phát triển và hệ thống lễ nghi bản địa: giúp cư dân có năng lực sản xuất, xây dựng, đúc tượng, lập bia ký - là cơ sở vật chất quan trọng để định hình biểu tượng và không gian thiêng của văn minh Ấn Độ.

- Tính cộng đồng và bản sắc làng xã: khiến việc bản địa hóa các yếu tố ngoại sinh diễn ra không chỉ ở cấp triều đình mà cả trong sinh hoạt dân gian, tín ngưỡng phổ thông, tạo nên sự bền vững trong quá trình tiếp biến.

- Điều kiện địa lý mở và giao thương phát triển: giúp các xã hội cổ Đông Nam Á không bị cô lập, mà thường xuyên tiếp xúc với các luồng tư tưởng, công nghệ, biểu tượng từ các nền văn minh lớn, đặc biệt là Ấn Độ.

Nhờ những tiền đề đó, cư dân Đông Nam Á không tiếp nhận văn minh Ấn Độ một cách nguyên bản hay lệ thuộc, mà thực hiện sự sáng tạo bản địa để hình thành các hình thái văn hóa mới – vừa mang yếu tố Ấn Độ, vừa mang đậm tính bản địa. Nói cách khác, Đông Nam Á không bị “Ấn Độ hóa” một chiều, mà là không gian tái cấu trúc và bản địa hóa văn minh Ấn Độ thành một hệ giá trị bản sắc riêng biệt - một quá trình có thể được gọi là “Ấn Độ hóa chủ thể hóa” (Subjective Indianization).

4.2. Biểu hiện ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á

Quá trình tiếp xúc và tiếp biến văn hóa từ Ấn Độ không chỉ dừng lại ở các tiếp xúc thương mại, tôn giáo hay hôn nhân, mà đã thâm nhập vào nhiều chiều cạnh trong đời sống xã hội của các vương quốc Đông Nam Á cổ đại. Tuy nhiên, những biểu hiện này không mang tính sao chép cơ học mà phản ánh sự điều chỉnh sáng tạo và bản địa hóa có chọn lọc của cộng đồng cư dân bản địa.

4.2.1. Tôn giáo và chính trị: sự hòa nhập mô hình thần quyền Ấn Độ

Nghiên cứu của Coedès (1968) cho rằng tôn giáo là lĩnh vực chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất từ văn minh Ấn Độ. Hai tôn giáo lớn của Ấn Độ là Ấn Độ giáo và Phật giáo đã được du nhập và phát triển mạnh mẽ tại nhiều vương quốc cổ ở Đông Nam Á như Phù Nam, Champa, Chân Lạp, Srivijaya hay Dvaravati. Trong đó, Ấn Độ giáo đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành mô hình vương quyền thần thánh, nơi nhà vua được thần thánh hóa và gắn với biểu tượng của thần Shiva hoặc Vishnu.

Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi Ấn Độ giáo và mô hình tổ chức nhà nước thần quyền nhưng mô hình tổ chức xã hội - chính trị theo kiểu Ấn Độ không được sao chép toàn bộ. Nhiều vương quốc chỉ tiếp thu yếu tố biểu tượng và nghi lễ, trong khi vẫn duy trì cấu trúc địa phương phân quyền phù hợp với điều kiện bản địa. Chẳng hạn, ở Champa và Chân Lạp, các nghi lễ phong vương mang yếu tố Ấn Độ giáo được lồng ghép với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và lễ hiến tế địa phương.

Bên cạnh Ấn Độ giáo, Phật giáo cũng được truyền bá mạnh mẽ vào khu vực Đông Nam Á. Nghiên cứu của Mishra (2021) cho rằng Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa và sau này là Tiểu thừa (Theravāda), cũng lan rộng thông qua các tu sĩ và mạng lưới hải thương. Các trung tâm Phật giáo lớn như Borobudur (Indonesia), Thaton (Myanmar) hoặc các tu viện ở miền Trung Việt Nam là minh chứng cho sự phát triển vượt bậc của Phật giáo trong khu vực.

Nghiên cứu của học giả Nguyễn (2005) cũng cho rằng cư dân Đông Nam Á đã tiếp nhận mạnh mẽ hệ thống tôn giáo từ Ấn Độ, biểu hiện qua các di chỉ khảo cổ, những bia ký và những tư liệu lịch sử để có thể đi đến nhận xét rằng làn sóng văn hóa Ấn Độ với các tôn giáo lớn giữ vai trò chủ đạo đã xâm nhập vào Đông Nam Á diễn ra vào khoảng thế kỷ II - thế kỷ IV, hình thức thể hiện chủ yếu là truyền bá tôn giáo cùng với đúc và tạc tượng để thờ.

4.2.2. Tác động của văn minh Ấn Độ đến hệ thống chữ viết ở Đông Nam Á

Một trong những biểu hiện bền vững và có tính định chế sâu sắc nhất của ảnh hưởng văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á là sự truyền bá của hệ thống chữ viết. Khác với các yếu tố tôn giáo hay nghệ thuật có thể biến đổi linh hoạt theo ngữ cảnh bản địa, chữ viết mang trong nó quyền lực biểu tượng, tư tưởng và công cụ tổ chức nhà nước. Chính vì thế, sự du nhập của chữ Sanskrit và hệ chữ Pallava từ Nam Ấn Độ vào khu vực đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Đông Nam Á - thời kỳ của văn bản hóa quyền lực và thân quyền.

a. Chữ Sanskrit và Pallava - kênh chuyển tải kinh điển và quyền lực vương triều

Chữ Sanskrit, ngôn ngữ thiêng của Ấn Độ giáo và Phật giáo Đại thừa, cùng với hệ chữ Pallava - loại chữ Brahmi phát triển ở miền Nam Ấn Độ - đã theo chân các tu sĩ và thương nhân du nhập vào Đông Nam Á từ đầu Công nguyên. Trong bối cảnh chưa có chữ viết bản địa chuẩn hóa, các hệ chữ Ấn Độ đã cung cấp phương tiện ghi chép kinh điển tôn giáo, nghi lễ cung đình và pháp lệnh nhà nước.

Nghiên cứu của tác giả Mithra (2022) đã cho thấy tiếng Phạn, ngôn ngữ cổ của Ấn Độ đã có tác động sâu sắc đến các ngôn ngữ của cư dân Đông Nam Á. Nhiều ngôn ngữ Đông Nam Á, bao gồm tiếng Thái, tiếng Khmer, tiếng Mã Lai, tiếng Java và tiếng Bali đã vay mượn rất nhiều từ tiếng Phạn, kết hợp từ vựng, ngữ pháp và hệ thống chữ viết.

Tuy nhiên, khác với giả định về sự sao chép nguyên bản từ Ấn Độ, các cộng đồng bản địa không tiếp thu một cách thụ động, mà đã sớm sáng tạo các hệ chữ viết riêng biệt có nguồn gốc từ chữ Pallava - được điều chỉnh để phù hợp với ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp và thực hành văn hóa địa phương. Từ quá trình đó đã hình thành nên các hệ chữ viết độc lập như: Chữ Chăm cổ (Việt Nam), Chữ Khmer cổ (Campuchia), Chữ Môn và Thái cổ (Thái Lan), Chữ Java và Bali cổ (Indonesia).

Các hệ chữ này không chỉ phục vụ ghi chép tôn giáo mà còn được dùng để khắc bia ký, chép sử, ban hành pháp lệnh và truyền bá văn hóa triều đình, qua đó hình thành một không gian văn tự Ấn hóa nhưng có bản sắc riêng của Đông Nam Á.

b. Bia Võ Cạnh - dấu mốc đầu tiên của văn tự Sanskrit tại Việt Nam

Tám bia Võ Cạnh, được phát hiện tại Nha Trang và có niên đại vào khoảng thế kỷ III, được xem là minh chứng sớm nhất về sự hiện diện của chữ Sanskrit ở Việt Nam. Với nội dung liên quan đến đạo đức, quyền lực và bổn phận của vua, văn bản trên bia thể hiện mô hình tư tưởng Ấn Độ giáo cổ điển: nhà vua là người bảo trợ tôn giáo và đại diện cho trật tự vũ trụ (dharma). Dù văn bản này không đầy đủ, nhưng nó cho thấy từ rất sớm, tầng lớp tinh hoa Đông Nam Á đã tiếp cận và sử dụng văn tự như một công cụ hợp thức hóa quyền lực.

Từ thế kỷ IV đến VII, các vương quốc như Phù Nam, Dvaravati, Srivijaya hay Champa đã tạo ra một số lượng lớn bia ký bằng Sanskrit hoặc các ngôn ngữ hỗn hợp Sanskrit - bản địa.

Những bia ký này được đặt trong các đền thờ lớn, gắn liền với nghi lễ tôn giáo, sắc phong vương quyền và ghi chép lịch sử vương triều - một hình thức “tư liệu hóa quyền lực” có sức ảnh hưởng lâu dài đến tổ chức nhà nước sơ kỳ.

c. Chữ viết như biểu tượng quyền lực và thiết chế văn hóa

Vai trò của chữ viết trong bối cảnh Đông Nam Á cổ đại vượt xa chức năng ghi chép. Đó là biểu tượng của thần quyền, học thuật và nhà nước. Nhờ có văn tự, các cộng đồng có thể chuẩn hóa lễ nghi tôn giáo, thiết lập hệ thống luật lệ, hợp thức hóa quan hệ đất đai và cúng tế, ghi chép huyền thoại dựng nước, truyền thuyết hoàng tộc,...

Như vậy, chữ viết Ấn Độ không chỉ truyền bá tri thức, mà còn thúc đẩy sự hình thành thiết chế văn hóa và chính trị bản địa, góp phần làm cho các nhà nước Đông Nam Á bước vào kỷ nguyên văn bản - một bước chuyển quan trọng từ xã hội truyền khẩu sang xã hội văn hiến.

4.2.3. Nghệ thuật và kiến trúc: bản địa hóa phong cách Ấn

Nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc là một trong những lĩnh vực thể hiện sâu sắc nhất ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đối với Đông Nam Á cổ đại. Tuy nhiên, điều đặc biệt ở khu vực này không phải là sự sao chép nguyên mẫu từ Ấn Độ, mà là quá trình tiếp biến sáng tạo, trong đó các yếu tố từ Ấn Độ - cả về hình thức lẫn biểu tượng - được tái cấu trúc và địa phương hóa để phù hợp với điều kiện xã hội, tín ngưỡng và kỹ thuật bản địa.

a. Ảnh hưởng từ phong cách Gupta và hậu Gupta

Từ thế kỷ IV đến VII, nghệ thuật Gupta – tiêu biểu cho đỉnh cao thẩm mỹ Ấn Độ cổ đại với các đặc điểm như hình thể lý tưởng hóa, đường nét uyển chuyển và biểu tượng tôn giáo sâu sắc - bắt đầu lan tỏa sang Đông Nam Á thông qua các tu sĩ và nghệ nhân. Các vương quốc bản địa như Champa, Chân Lạp, Srivijaya hay Mataram đã tiếp nhận các phong cách này, nhưng không áp dụng một cách rập khuôn mà biến đổi thành các phong cách khu vực vừa mang yếu tố Ấn, vừa phản ánh bản sắc văn hóa - tín ngưỡng riêng.

b. Các công trình tiêu biểu - minh chứng cho sự tiếp biến nghệ thuật

- Angkor Wat (Campuchia): Được xây dựng vào thế kỷ XII dưới triều vua Suryavarman II, Angkor Wat là một đỉnh cao của kiến trúc Hindu giáo ở Đông Nam Á. Dù kế thừa mô hình vũ trụ Ấn Độ (mandala) và thần thoại Vishnu, công trình này thể hiện sự tinh luyện về kỹ thuật đá, quy hoạch đô thị và phong cách chạm khắc đặc trưng của nghệ thuật Khmer cổ. Những bức phù điêu mô tả vũ trụ thần thoại, cảnh chiến đấu trong Mahabharata, Ramayana, xen lẫn hình ảnh cuộc sống đời thường - phản ánh một thế giới quan được bản địa hóa sâu sắc.

- Borobudur (Java, Indonesia): Là một bảo tháp Phật giáo Đại thừa lớn nhất thế giới, được xây dựng vào thế kỷ VIII-IX, Borobudur mô phỏng mô hình vũ trụ học Ấn Độ với ba tầng: kamadhatu (cõi dục), rupadhatu (cõi sắc), và arupadhatu (cõi vô sắc). Tuy nhiên, kỹ thuật xây dựng, vật liệu và biểu tượng chạm khắc lại đậm chất bản địa, sử dụng đá núi lửa, khắc họa đời sống người dân bản xứ, tạo nên một hình thức Phật giáo “Indonesia hóa” độc đáo.

- Mỹ Sơn (Việt Nam): Trung tâm tôn giáo quan trọng nhất của vương quốc Champa từ thế kỷ IV đến XIII, Mỹ Sơn là một quần thể đền tháp thờ thần Shiva - phản ánh ảnh hưởng sâu sắc của Ấn Độ giáo. Tuy nhiên, khác với kiến trúc đá ở Angkor, người Chăm sử dụng gạch nung và kỹ thuật xây dựng không vữa, kết hợp với nghệ thuật điêu khắc linh hoạt trên đá sa thạch. Theo nghiên cứu của học giả Lê (2008), các hình tượng như Linga - Yoni, thần Shiva, Ganesa, vũ điệu Apsara,... đều có nguồn gốc từ Ấn Độ nhưng được thể hiện bằng thẩm mỹ Chăm, với đường nét dứt khoát, hình thể khỏe khoắn và mang biểu tượng phồn thực rõ nét.

c. Nghệ thuật như một không gian giao thoa và bản địa hóa tôn giáo

Nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc không chỉ là biểu hiện của kỹ thuật hay thẩm mỹ, mà còn là không gian biểu đạt quyền lực và tâm thức tôn giáo. Tại Đông Nam Á, các công trình kiến trúc - đền đài, tháp, bảo tháp - vừa là nơi hành lễ, vừa là biểu tượng thần thánh hóa quyền lực vương triều. Thông qua nghệ thuật, các yếu tố Ấn Độ được thiêng hóa, bản địa hóa và nội hóa, trở thành một phần của đời sống văn hóa – chính trị địa phương.

4.2.4. Tín ngưỡng dân gian và biểu tượng phồn thực

Một đặc điểm nổi bật của quá trình tiếp biến văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á là sự không đối kháng giữa tín ngưỡng bản địa và các tôn giáo du nhập như Ấn Độ giáo và Phật giáo. Trái lại, không gian tín ngưỡng dân gian bản địa - mang đậm các yếu tố phồn thực, thờ cúng tổ tiên, sùng bái tự nhiên và sự tôn kính các linh thần địa phương - đã tạo điều kiện để văn hóa Ấn Độ được bản địa hóa một cách linh hoạt, dung hòa và sâu sắc.

a. Không gian tín ngưỡng dân gian như nền tảng tiếp biến văn hóa

Trước khi tiếp xúc với văn minh Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á đã phát triển một hệ thống tín ngưỡng đa tầng, gắn liền với sinh hoạt nông nghiệp, vòng đời con người, tự nhiên và cộng đồng. Các hình thức như thờ thần núi, thần nước, thờ sinh thực khí (Linga - Yoni nguyên thủy), thờ Mẹ Xứ sở, thờ tổ tiên,... không những phổ biến mà còn ăn sâu trong đời sống tâm linh cộng đồng. Những đặc điểm này tạo nên một trường nghĩa sẵn có, giúp cho việc tiếp nhận các biểu tượng và thực hành tôn giáo từ Ấn Độ trở nên tự nhiên và hiệu quả.

Cư dân bản địa Đông Nam Á có hệ thống tín ngưỡng rất phong phú, đặc biệt là tín ngưỡng sùng bái tự nhiên. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn (2022) cho rằng người xưa tin rằng mọi vật trong tự nhiên đều có linh hồn và liên hệ với con người, nên họ thờ cúng các hiện tượng tự nhiên và sự vật khác thường như thần Đất, thần Mặt trời, tảng đá, gốc cây,... để cầu xin sự che chở và tránh tai họa.

Ví dụ, hình tượng Linga - Yoni - vốn mang tính phồn sinh trong Ấn Độ giáo - khi du nhập vào khu vực đã tương hợp một cách hữu cơ với tín ngưỡng phồn thực bản địa, đặc biệt là tại vùng cư trú của người Chăm, Khmer, Môn và Thái. Tương tự, hình ảnh thần Shiva - vị thần hủy diệt nhưng cũng là biểu tượng của sáng tạo và sinh sản – cũng dễ dàng được tích hợp vào hệ thống thần linh bản địa, không gây xung đột niềm tin mà ngược lại được tái diễn giải để đáp ứng nhu cầu thờ cúng địa phương.

b. Quá trình dung hợp - tái sinh tôn giáo qua biểu tượng và nghi lễ

Theo nghiên cứu của Nguyễn (2011), tại các khu vực như Trà Kiệu (Champa), vùng Thất Sơn (Khmer Nam Bộ), vùng Thái Lan trung cổ và vùng Môn cổ đại, sự tiếp biến giữa tôn giáo Ấn Độ và tín ngưỡng dân gian diễn ra không theo hướng thay thế hay bài trừ mà là quá trình “tái sinh biểu tượng” (symbolic rebirth). Các yếu tố Ấn Độ giáo được bản địa hóa trong các nghi lễ nông nghiệp, các lễ hội truyền thống (như lễ Kate của người Chăm) hay lễ Pchum Ben của người Khmer - nơi các vị thần Ấn được lồng ghép với tổ tiên và thần linh địa phương.

Từ góc độ chức năng xã hội, quá trình này không chỉ giúp tôn giáo mới thích nghi với cấu trúc xã hội bản địa, mà còn tạo ra những hình thái tín ngưỡng “lai ghép” bền vững, giúp tăng cường gắn kết cộng đồng và hợp thức hóa quyền lực triều đình. Các vua Champa, Khmer và Môn đều xưng là “người bảo trợ đức tin”, nhưng đức tin đó không tách rời tín ngưỡng dân gian mà thường xuyên “diễn” trên nền của hệ thống tín ngưỡng cũ - điều này phản ánh rõ triết lý dung hợp tôn giáo và quyền lực trong lịch sử khu vực.

Như vậy, không gian tín ngưỡng dân gian bản địa không chỉ là nền tảng tiếp nhận văn minh Ấn Độ mà còn là chủ thể đồng kiến tạo văn hóa, nơi diễn ra các quá trình chọn lọc, cải

biên và tái cấu trúc biểu tượng - tạo nên hình thức Ấn Độ hóa mềm, giàu tính bản sắc và phù hợp với ngữ cảnh xã hội - tâm linh của Đông Nam Á.

4.2.5. Vai trò chủ thể bản địa trong quá trình tiếp biến

Nếu phải xác định một điểm cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tiến trình ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ tại Đông Nam Á, thì đó chính là vai trò chủ động, chọn lọc và sáng tạo của cư dân bản địa. Trái với mô hình “truyền bá một chiều” thường thấy trong cách tiếp cận theo khuynh hướng phương Tây, quá trình “Ấn Độ hóa” Đông Nam Á không diễn ra theo cơ chế áp đặt, mà là một tiến trình tương tác - lựa chọn - bản địa hóa hết sức linh hoạt.

Cư dân Đông Nam Á không tiếp thu văn hóa ngoại sinh như những thể chế bị động, mà chủ động lựa chọn các yếu tố phù hợp với điều kiện xã hội, môi trường tín ngưỡng, thiết chế bản địa, rồi cải biến và tích hợp chúng vào hệ giá trị dân tộc. Quá trình này được thúc đẩy bởi các điều kiện nội sinh như cấu trúc xã hội linh hoạt, tín ngưỡng dân gian phong phú, kỹ thuật bản địa phát triển cùng với các cơ chế lan tỏa văn hóa phi chính thức như thương mại, hôn nhân, tu sĩ, nghệ thuật và văn tự.

Quá trình đó dẫn đến kết quả là sự hình thành của các mô hình nhà nước kiểu Ấn Độ hóa có chọn lọc như Phù Nam, Champa, Srivijaya, Chân Lạp – nơi vương quyền thần thánh được định chế hóa nhưng không loại trừ hệ thống làng xã cổ truyền; sự xuất hiện của các phong cách nghệ thuật kiến trúc độc đáo, như Angkor Wat, Borobudur, Mỹ Sơn – nơi biểu tượng Ấn Độ được định hình lại bằng ngôn ngữ thẩm mỹ bản địa hay sự kết hợp hài hòa giữa tôn giáo mới và tín ngưỡng cũ, dẫn đến các hình thái tín ngưỡng dân gian đa tầng, lai ghép mà vẫn bền vững.

Quá trình này là một minh chứng sống động cho tư duy văn hóa năng động, khả năng sáng tạo và thích nghi cao của cư dân Đông Nam Á cổ đại. Thay vì bị “Ấn Độ hóa”, họ đã chủ thể hóa văn minh Ấn Độ, tạo nên một hình thái giao thoa mà học giả Wolters (1982) gọi là “localization of Indian culture” - tức là Ấn Độ không tạo ra Đông Nam Á, mà Đông Nam Á tái tạo Ấn Độ theo cách riêng của mình.

4.2.6. Tác động ngược từ Đông Nam Á: hàng hải - hàng hoá - kỹ nghệ

Quá trình giao lưu văn hóa giữa Ấn Độ và Đông Nam Á chủ yếu diễn ra trên tinh thần tự nguyện và hòa bình, thông qua mạng lưới thương mại biển và các mối quan hệ giao lưu lâu dài. Các nghiên cứu của Manguin (2016) đã chứng minh vai trò trung tâm của kỹ nghệ đóng thuyền và truyền thống hàng hải Đông Nam Á trong toàn bộ không gian Ấn Độ Dương, qua đó tạo điều kiện cho sự tương tác, sự trao đổi hai chiều chứ không đơn thuần là dòng chảy một chiều từ Ấn Độ sang. Trên thực tế, bằng chứng ngôn ngữ và khảo cổ cho thấy các cộng đồng Austronesian từ Đông Nam Á hải đảo đã vươn tới tận Ấn Độ Dương và bờ biển Đông Phi từ rất sớm, mang theo kỹ nghệ, giống cây trồng, hàng hóa và tri thức đi biển, qua đó tác động ngược trở lại Ấn Độ. Thêm vào đó, khảo cổ học tại cảng Mantai (Sri Lanka) đã phát hiện ra rằng đỉnh hưng có nguồn gốc từ quần đảo Maluku (Indonesia), minh chứng cho sự lan tỏa hàng hóa từ Đông Nam Á vào Nam Á và xa hơn tới Trung Cận Đông. Những dữ liệu này cho thấy sự giao lưu văn hóa giữa hai khu vực không chỉ là quá trình tiếp nhận thụ động từ Ấn Độ, mà còn là sự tương tác hai chiều, trong đó Đông Nam Á đã để lại dấu ấn đáng kể đối với văn minh Ấn Độ.

5. Kết luận

Văn minh Ấn Độ, thông qua các kênh thương mại, tôn giáo, văn tự và biểu tượng quyền lực, đã có ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình hình thành và phát triển của các nhà nước sơ kỳ Đông Nam Á. Tuy nhiên, trái với quan niệm truyền thống về một quá trình “Ấn Độ hóa” mang tính áp đặt, thực tiễn lịch sử và bằng chứng khảo cổ cho thấy cư dân Đông Nam Á đã tiếp nhận

các yếu tố văn hóa từ Ấn Độ trong một tiến trình tiếp biến có chọn lọc, linh hoạt và sáng tạo.

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ không mang tính đồng nhất hay toàn diện, mà biểu hiện khác nhau tùy theo bối cảnh địa phương, điều kiện xã hội và nền tảng tín ngưỡng bản địa. Quá trình tiếp biến văn hóa không xóa bỏ yếu tố nội sinh, mà trái lại, dựa trên các nền tảng văn hóa bản địa như tín ngưỡng phồn thực, thờ cúng tổ tiên, mô hình làng xã và cấu trúc cộng đồng linh hoạt để bản địa hóa và sáng tạo các yếu tố ngoại sinh theo hướng phù hợp với đặc trưng khu vực.

Từ những biểu hiện rõ nét trong tôn giáo, chữ viết, kiến trúc và tổ chức chính trị – xã hội, có thể khẳng định rằng Đông Nam Á không chỉ là vùng chịu ảnh hưởng, mà là không gian sáng tạo văn hóa trong tương tác xuyên khu vực với Ấn Độ. Chính sự chủ động đó đã hình thành nên một nền văn minh Đông Nam Á đặc thù, vừa kế thừa ảnh hưởng ngoại lai, vừa thể hiện tính bản địa sâu sắc.

Tài liệu tham khảo

- Andaya, B. W., & Andaya, L. Y. (2015). *A History of Early Modern Southeast Asia, 1400–1830*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Andaya, B. W. (2023). *Introduction to Southeast Asia: History, Geography, and Livelihood*. Washington, D.C.: Asia Society.
- Coedès, G. (1968). *The Indianized States of Southeast Asia*. Honolulu, HI: University of Hawaii Press.
- Kroeber, A. L., & Kluckhohn, C. (1952). *Culture: A critical review of concepts and definitions*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- Lê, T. M. T. (2008). *Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trong nền nghệ thuật cổ Champa*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Miksic, J. N., & Goh, G. Y. (2016). *Ancient Southeast Asia*. New York, NY: Routledge.
- Mishra, P. P. (2021). *India's historical impact on Southeast Asia*. Ann Arbor, MI: The Association for Asian Studies.
- Mithra, C. (2022). *India's enduring influence on Southeast Asia: A historical and cultural odyssey*. Bengaluru: Center for Soft Power.
- Manguin, P.-Y. (2016). Austronesian shipping in the Indian Ocean: From outrigger boats to trading ships. Trong Gwyn Campbell (Biên tập), *Early Exchange between Africa and the Wider Indian Ocean World* (51-76). Cham, Switzerland: Springer International Publishing.
- Nguyễn, V. A. (2022). *Lịch sử văn minh thế giới*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, Đ. Q. (2005). *Yếu tố tôn giáo trong các nền nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Nguyễn, T. C. T. (2011). *Quan hệ văn hóa Ấn Độ - Đông Nam Á mười thế kỷ đầu Công nguyên*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Trương, S. H. (2003). *Mấy tín ngưỡng tôn giáo Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Thanh Niên.
- Tylor, E. B. (1871). *Primitive culture*. London: John Murray.
- Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. (1997). *Ấn Độ xưa và nay*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Wheatley, P. (1971). *The pivot of the four quarters: A preliminary enquiry into the origins and character of the ancient Chinese city*. Chicago, IL: Aldine Publishing.
- Wolters, O. W. (1982). *History, culture and region in Southeast Asian perspectives*. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.